# Nhìn lại 30 năm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

Conference to review 30 years of foreign direct investment in Vietnam

**Lê Thu Giang**


## Tóm tắt

**Sau 30 năm, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI thành công. Nguồn vốn này là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam, góp phần thực hiện nhiều mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước trong suốt chặng đường qua. Bên cạnh những kết quả đạt được, khu vực kinh tế FDI còn bộc lộ nhiều hạn chế.Trong thời gian tới, dự báo môi trường đầu tư quốc tế sẽ có những thay đổi rất nhanh, đòi hỏi chúng ta phải có giải pháp mới để thu hút FDI đạt hiệu quả cao hơn, bền vững hơn... Bài viết sẽ đánh giá những kết quả nổi bật trong thu hút vốn FDI 30 năm qua, chỉ ra một số hạn chế, từ đó đưa ra một vài đề xuất nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI trong tình hình mới.**


***Từ khóa:*** *đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội, doanh nghiệp FDI, cạnh tranh*


## Abstract

After 30 years, Vietnam has become one of the countries that attracted FDI successfully. This capital is one of the important motivations for promoting Vietnam's economic growth, contributing to the implementation of many important socio-economic development goals of the country throughout the past. In addition to the achieved results, the FDI sector has also revealed many limitations. In the coming time, the forecast of international investment environment will have very fast changes, requiring us to have new solutions to attract more efficient and sustainable FDI... The article will assess the outstanding results in attracting FDI over the past 30 years, pointing out some limitations, thereby offering some suggestions to boost the attraction of FDI in the new situation.


***Key words:*** *foreign direct investment FDI, economic growth, socio-economic development, FDI enterprises, compete*

***TS. Lê Thu Giang***
*Bộ môn Kinh tế đô thị & Quản lý dự án*
*Khoa Quản lý đô thị*
*Email: lethugiang25@gmail.com*
*ĐT: 0977686586*

Ngày nhận bài: 08/7/2019
Ngày sửa bài: 13/8/2019
Ngày duyệt đăng: 15/7/2021

### 1. Đặt vấn đề

Nhà kinh tế học nổi tiếng người Mỹ Paul Samuelson với cuốn sách "Kinh tế học" ra đời năm 1948 đã đưa ra lý thuyết "vòng luẩn quẩn của sự chậm tiến và cú hích từ bên ngoài". Theo lý thuyết này, đa số các nước đang phát triển đều thiếu vốn, do đó muốn đạt mức tăng trưởng kinh tế thì cần có một "cú hích" từ bên ngoài, cụ thể như yếu tố về vốn, khoa học công nghệ hiện đại, chuyên gia... trong đó vốn FDI đóng vai trò là "cú hích" mang tính đột phá quan trọng. Trên thực tế, nguồn lực từ bên ngoài là vô cùng cần thiết cho bất kỳ nền kinh tế nào. Bởi với kinh tế thì khả năng thu hút đa dạng nguồn vốn chính là một năng lực để phát triển. Cho tới nay, nền kinh tế lớn nhất thế giới là Hoa Kỳ cũng là nền kinh tế nhận vốn FDI nhiều nhất thế giới và vẫn đang có xu hướng tăng lên. Năm 2017, vốn đầu tư FDI vào Hoa Kỳ là hơn 4.025 tỷ USD, tăng so với mức hơn 3.765 tỷ USD năm 2016. Các doanh nghiệp (DN) FDI đã mang lại cho nền kinh tế Hoa Kỳ hơn 6,8 triệu việc làm. Đối với các nước đang phát triển, thu hút vốn FDI không chỉ nhằm bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển, mà còn nhằm mục đích tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mở rộng thị trường, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động... Hơn nữa, khi DN nước ngoài đã tính chuyện mở nhà máy tại nước sở tại thì họ phải có quan điểm dài hạn về thị trường, về triển vọng tăng trưởng nên vốn FDI còn là một luồng vốn ổn định hơn so với các luồng vốn đầu tư quốc tế khác. Và nguồn vốn này không tạo ra nợ cho chính phủ nước tiếp nhận đầu tư.

### 2. Vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước

Cùng với quá trình đổi mới và mở cửa nền kinh tế, Luật Đầu tư nước ngoài đã được Quốc hội nước ta thông qua và ban hành vào ngày 29/12/1987, đánh dấu bước ngoặt cho việc chính thức dòng vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Từ đó đến nay, trải qua chặng đường hơn 30 năm, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài góp phần hoàn thiện thể kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp; đồng thời thúc đẩy chuyển dịch, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực quốc gia, ngành, sản phẩm, dịch vụ; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường quan hệ đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế.

Theo Báo cáo 2017 của Tổ chức Thương mại và phát triển Liên Hợp quốc đánh giá, Việt Nam nằm trong Top 12 quốc gia thành công nhất về thu hút FDI, được quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia thu hút FDI thành công nhất khu vực và trên thế giới, trở thành địa điểm đầu tư tin cậy, hiệu quả trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

Theo thống kê chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ năm 1988 đến tháng 9-2018, FDI của 129 quốc gia và vùng lãnh thổ đã có mặt trên 63 tỉnh, thành phố cả nước với 26.646 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 334 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 185,62 tỷ USD, bằng 55,5% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.Từ 1991 đến nay, vốn FDI thực hiện đã gia tăng nhanh chóng, trong giai đoạn 1991 - 2000 đạt 19,462 tỷ USD, bình quân 1,95 tỷ USD/năm. Giai đoạn 2001-2010 đạt 58,497 tỷ USD, bằng 3 lần thập niên trước đó là bình quân 5,85 tỷ USD/năm. Đặc biệt, trong giai đoạn 2011-2016 đạt 84 tỷ USD, bằng 4,55 lần giai đoạn 1991-2000 và 1,43 lần 10 năm trước đó, bình quân 12 tỷ USD/năm.

Đầu tư nước ngoài đóng vai trò là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Khu vực này đã đóng góp gần 20% GDP và là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho đầu tư phát triển với

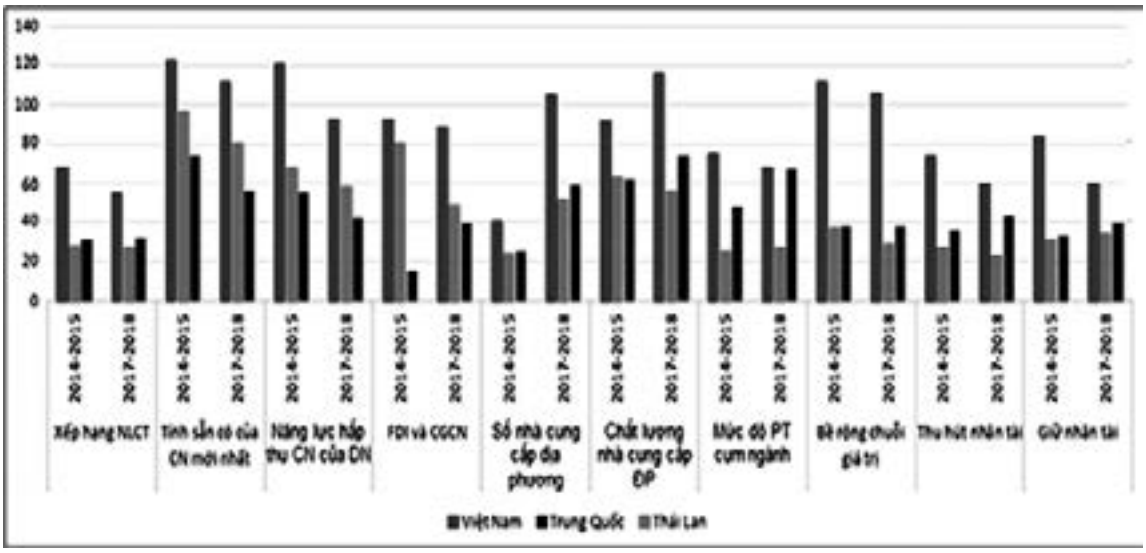


**Hình 1. So sánh xếp hạng một số chỉ tiêu lan tỏa FDI**
Nguồn: WEF (2014, 2017), (Ghi chú: vị trí càng thấp là càng tốt)

tỷ trọng khoảng 23,7% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong giai đoạn 1988 - 1994, khi kinh tế đất nước vô cùng khó khăn, lâm vào khủng khoảng trầm trọng, sản xuất công, nông nghiệp đình đốn… Các doanh nghiệp FDI đã tạo tiền đề, đồng thời tạo tác động lan tỏa trực tiếp và gián tiếp đối với các khu vực kinh tế khác của Việt Nam. FDI đã mang vào nước ta vốn, kinh nghiệm, công nghệ,… những thứ mà ở thời điểm đó gần như Việt Nam không có gì. Khu vực này tiếp tục đóng góp trong GDP của cả nước tăng từ 9,3% năm 1995 lên 19,6% năm 2017 (chiếm 23,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chiếm trên 72% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, trên 17% tổng thu ngân sách nhà nước). Đồng thời, năng suất lao động của khu vực đầu tư nước ngoài luôn ở mức cao, đóng góp không nhỏ trong việc nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế.

Tỷ trọng thu ngân sách nhà nước từ khu vực đầu tư nước ngoài tăng đáng kể, từ 1,8 tỷ USD trong giai đoạn 1994-2000 lên 23,7 tỷ USD trong giai đoạn 2011-2015, chiếm gần 14% tổng thu ngân sách nhà nước. Hiện tại, 58% tổng vốn đầu tư nước ngoài tập trung vào lĩnh vực chế biến, chế tạo, tạo ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong xuất khẩu, đạt 72,6% trong năm 2017 và 71,4% trong 9 tháng đầu năm 2018. Số thu nộp ngân sách của khu vực đầu tư nước ngoài tăng đều qua các năm và đạt hơn 8 tỷ USD trong năm 2017, chiếm 17,1% tổng thu ngân sách nhà nước.

Trong hơn thập kỷ qua, nhiều dự án đầu tư nước ngoài đã chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến ở một số ngành, lĩnh vực. Qua đó, có tác động lan tỏa nhất định tới khu vực doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao trình độ công nghệ và quản trị của nền kinh tế. Nhiều dự án lớn đã tạo ra những bước đột phá, đóng góp vào nguồn thu ngân sách cho nhiều địa phương.Theo UBND TP Hồ Chí Minh, năm 1992, khối doanh nghiệp FDI chỉ đóng góp hơn 15 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước (chiếm 0,6% tổng thu ngân sách) thì đến năm 2016 thu ngân sách từ khối doanh nghiệp FDI đạt 48.700 tỷ đồng, chiếm 16,3% tổng thu ngân sách của Thành phố.

Cũng theo thống kê từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), lũy kế đến tháng 8/2018, trong 63 tỉnh, thành thì TP. Hồ Chí Minh là địa phương thu hút nhiều vốn FDI nhất, với 7.847 dự án, tổng số vốn đăng ký là hơn 45,3 tỷ USD; TP. Hà Nội đứng thứ 2 với 4.892 dự án, tổng số vốn đăng ký 39,2 tỷ USD; Bình Dương đứng thứ 3 với 3.426 dự án, tổng số vốn đăng ký 30,7 tỷ USD; Đồng Nai (27,5 tỷ USD), Bà Rịa-Vũng Tàu (27,3 tỷ USD)… Theo báo cáo của UBND TP. Hồ Chí Minh, trong những năm gần đây, hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước bắt đầu dần chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư (năm 2015 chiếm 5,4%; năm 2016 chiếm 48,6%, năm 2017 chiếm 49%), trở thành xu hướng mới của dòng vốn FDI.

Nguồn vốn FDI còn góp phần cải thiện năng suất lao động, tác động trực tiếp giúp dịch chuyển cơ cấu lao động trong nước từ nhóm ngành có năng suất lao động thấp sang nhóm ngành có năng suất lao động cao hơn (TS. Lê Văn Hùng, Trưởng phòng Kinh tế vùng, Viện Kinh tế Việt Nam). Phân theo ngành/lĩnh vực thì dịch vụ và chế tạo là hai ngành thu hút FDI nhiều nhất, trong khi khai khoáng và nông nghiệp chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Khu vực đầu tư nước ngoài cũng đã có những đóng góp đáng kể vào phát triển ngành dịch vụ chất lượng cao ở Việt Nam như tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, vận tải biển, logistics, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch… Đồng thời, đây còn là nhân tố góp phần chuyển đổi không gian phát triển, hình thành các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế…

Sau 30 năm thu hút vốn FDI, Việt Nam đã thu hút được các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới, như: Samsung, Honda, Intel, Yamaha, Panasonic, Microsoft, LG... Những dự án "tỷ đô" của các tập đoàn kinh tế hàng đầu cho thấy Việt Nam đã và đang là điểm đến đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Đối với những địa phương thu hút nhiều dự án FDI, như: Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai..., đã làm thay đổi cơ bản cơ cấu kinh tế của tỉnh, thành phố, tạo điều kiện để DN trong nước phát triển. Ví dụ như tỉnh Bắc Ninh, nhờ thu hút FDI hiệu quả, chỉ trong 5 năm gần đây đã biến đổi cơ bản, từ tỉnh nông nghiệp trở thành tỉnh công nghiệp. Hiện nay, nông nghiệp của tỉnh này chỉ còn khoảng 8%, công nghiệp và dịch vụ chiếm 82% cơ cấu kinh tế tỉnh.

Khu vực đầu tư nước ngoài cũng góp phần tạo việc làm,

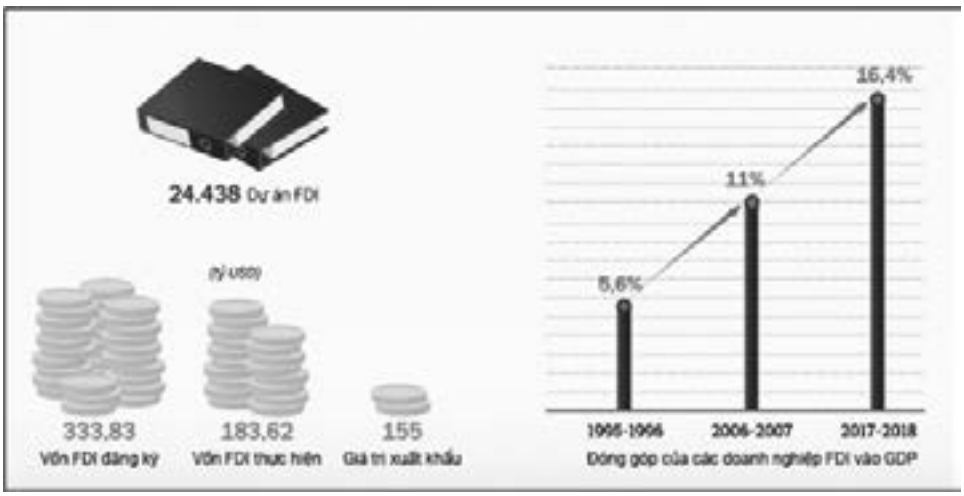


**Hình 2. Những con số đạt được của Việt Nam sau 30 năm thu hút FDI (Tính đến tháng 8/2018)** Nguồn: Vnexpress.net

chuyển dịch cơ cấu lao động và cải thiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Việc làm trực tiếp trong khu vực này đã tăng từ 330 nghìn người vào năm 1995 lên khoảng 3,6 triệu người năm 2017, đồng thời tạo việc làm gián tiếp cho khoảng 5 - 6 triệu lao động. Các doanh nghiệp FDI cũng là những đơn vị tiên phong trong việc đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề và tác phong công nghiệp của đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý. Nhiều vị trí việc làm trước đây do chuyên gia nước ngoài đảm nhận, nay đã được thay thế bằng lao động Việt Nam.

Những năm gần đây, đầu tư nước ngoài FDI cũng tạo thuận lợi cho Việt Nam mở rộng thị trường quốc tế, gia tăng kim ngạch xuất khẩu, từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất khẩu của khu vực này chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước với các mặt hàng chủ lực là hàng công nghiệp công nghệ cao. Trong năm 2017, khu vực FDI đã xuất siêu bù đắp được nhập siêu của khu vực doanh nghiệp (DN) trong nước và tạo ra giá trị xuất siêu 2,7 tỷ USD của nền kinh tế Việt Nam. Như vậy, xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài đã tăng nhanh, góp phần cân bằng cán cân thương mại, giảm áp lực tỷ giá và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.Nhiều doanh nghiệp FDI đã thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, tham gia hoạt động xóa đói, giảm nghèo và các hoạt động thiện nguyện khác.

**3. Một số tồn tại và hạn chế**

Như vậy, đầu tư nước ngoài là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thu hút và sử dụng vốn FDI thời gian qua đã bộc lộ một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, mức độ kết nối, hiệu ứng lan tỏa của khu vực đầu tư nước ngoài đến khu vực đầu tư trong nước còn thấp. Chính sách thu hút và chuyển giao công nghệ từ khu vực đầu tư nước ngoài đến khu vực đầu tư trong nước còn chưa đạt hiệu quả mong muốn, chủ yếu là gia công lắp ráp, tỷ lệ nội địa hóa trong một số ngành thấp, giá trị gia tăng trên một đơn vị sản phẩm chưa cao.

Thứ hai, nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trước hết là vì mục tiêu lợi nhuận. Hầu hết họ mong muốn làm ăn nghiêm túc, hợp tác với nước chủ nhà để cùng chia sẻ thành công và lợi ích nhưng cũng có một bộ phận nhà đầu tư thiếu năng lực, thiếu thiện chí. Một số doanh nghiệp FDI đã thực hiện thủ thuật chuyển giá, trốn thuế, chưa nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ ba, chưa có nhiều tập đoàn đa quốc gia trong các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển còn ít. Thu hút đầu tư nước ngoài vào tập trung vào một số ngành, lĩnh vực ưu tiên, vào bất động sản trong khi những ngành như nông nghiệp, môi trường còn thấp và từ các tập đoàn đa quốc gia còn hạn chế.

Thứ tư, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam còn sử dụng công nghệ lạc hậu, trung bình hoặc trung bình tiên tiến so với khu vực. Một số dự án còn tiêu tốn năng lượng, khai thác lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường...

Thứ năm, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng còn nhiều bất cập, công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài còn thiếu sự phối hợp từ Trung ương đến địa phương; hiệu quả sử dụng đất của nhiều dự án đầu tư nước ngoài chưa cao…

Thứ sáu, thu hút lao động của các doanh nghiệp FDI chủ yếu là lao động nhân công giá rẻ, ít đào tạo, thậm chí dùng cơ chế thử việc để dễ thay lao động liên tục. Nhiều doanh nghiệp có tỷ lệ lao động nữ rất cao, nhưng giá nhân công thấp và có thể gây các bệnh nghề nghiệp. Có những doanh nghiệp FDI chưa bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của người lao động Việt Nam, tuyển dụng lao động nước ngoài, trong đó có lao động phổ thông, không đúng quy định của pháp luật… Thực trạng này cũng khiến cho quan hệ lao động trong nhiều thời điểm trở nên căng thẳng, gây bất ổn chính trị, kinh tế xã hội địa phương, ảnh hưởng không tốt đến môi trường kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam.

**4. Kết luận và đề xuất**

Việt Nam đã khá thành công trong thu hút FDI và khẳng định FDI có tác động lan tỏa năng suất đến khu vực doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên mức độ tác động lan tỏa vẫn còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng của định hướng thu hút FDI có chọn lọc và hiệu quả. Theo nhận định của giới chuyên gia kinh tế, thế giới đang có nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt, đan xen cả cơ hội và thách thức, cách mạng công nghiệp 4.0 lan tỏa mạnh mẽ, quy mô dòng vốn đầu tư nước ngoài toàn cầu có xu hướng giảm, cuộc chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc… đã và đang có những tác động nhất định tới nền kinh tế toàn cầu. Điều đó đặt ra những thách thức lớn cho Việt Nam trong thu hút FDI giai đoạn mới. Trong thời gian tới, định hướng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI nên theo hướng như sau:

*Thứ nhất, về quan điểm*

Việt Nam luôn khẳng định nhất quán khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Sau 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài, nay Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác ĐTNN với nội hàm mở rộng

hơn. Chính phủ Việt Nam nhất quán và cam kết tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài và cam kết xây dựng môi trường đầu tư ngày càng thuận lợi, mang tính cạnh tranh, tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, các cam kết tiêu chuẩn cao trong các Hiệp định Thương mại tự do FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia.

Giữ vững ổn định chính trị xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô là vô cùng quan trọng. Đây là điều không dễ, đòi hỏi phải thống nhất tư tưởng, nhận thức về hợp tác đầu tư nước ngoài và triển khai đồng bộ, sáng tạo các biện pháp về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Thu hút đầu tư nước ngoài là cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia có nguồn lực giới hạn và ở đâu có môi trường đầu tư tốt, thể chế thuận lợi, thông thoáng, ổn định, mang lại lợi ích thì các doanh nghiệp FDI sẽ tập trung đầu tư. Việc tạo mọi điều kiện thuận lợi với nhiều cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, sẽ tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư. Đồng thời, tạo cơ chế kết nối các hoạt động xúc tiến về đầu tư, thương mại, du lịch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài giữa các cơ quan trung ương và địa phương.

*Thứ hai, về cơ chế chính sách*

Hoàn thiện chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên nguyên tắc gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thực hiện đúng cam kết đầu tư, tuân thủ đúng tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi, tạo động lực mới cho thu hút và sử dụng FDI vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, khai khoáng có chế biến sâu.... Bảo đảm nguyên tắc doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được hưởng ưu đãi thì phải có đầu tư thực sự hiệu quả, kiểm chứng được trên cơ sở tiêu chí cụ thể về bảo vệ môi trường.

Thu hút FDI phải đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng xuất khẩu với đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng và sử dụng nguồn nguyên liệu nội địa, phát triển công nghiệp phụ trợ, đào tạo nguồn nhân lực trong nước, phát triển cơ sở hạ tầng. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Do đó, cần xây dựng cơ chế, chính sách để chủ động hỗ trợ thúc đẩy phát triển và nâng tầm doanh nghiệp Việt Nam, tạo sự liên kết, lan tỏa giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

*Thứ ba, về ngành, lĩnh vực*

Chuyển hướng ưu tiên thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng công nghiệp 4.0.

*Thứ tư, về chính sách thu hút FDI*

Cần có sự điều chỉnh chính sách FDI theo hướng kết nối hơn với khu vực trong nước, lấy sự liên kết sản xuất và lan tỏa FDI làm những chỉ tiêu đánh giá hiệu lực và hiệu quả của chính sách. Thu hút FDI cần hướng đến làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước để khu vực này có thể kết nối được với khu vực FDI, qua đó tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Để thu hút nguồn đầu tư lớn cần phải có chính sách rõ ràng và ổn định, ít nhất 5 năm không thay đổi thì nhà đầu tư mới yên tâm đầu tư lâu dài. Cần khơi thông điểm nghẽn và mở rộng những luồng đầu tư thông thoáng; thúc đẩy doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI liên kết với các tập đoàn đa quốc gia trong cụm liên kết ngành, từng bước tham gia vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn. Chú trọng đến các tập đoàn đa quốc gia liên kết với doanh nghiệp trong nước cùng hình thành và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị.

Cần hình thành một số cụm ngành để khai thác tác động lan tỏa của FDI ở một số ngành có quy mô thị trường lớn, ví dụ các ngành điện tử, chế biến thực phẩm, may mặc, da giày... nhất là ngành đã có sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI lớn (như SamSung, Canon...), từ đó phát triển doanh nghiệp sản xuất đầu vào trung gian (công nghiệp phụ trợ), khuyến khích hoặc ra điều kiện về liên kết sản xuất, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp FDI trong những ngành này cho doanh nghiệp trong nước.

Trong ngắn hạn, tiếp tục thu hút FDI vào các ngành mà Việt Nam đang có lợi thế như dệt may, da giày... nhưng cần tập trung vào các khâu có giá trị gia tăng cao, gắn với quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa. Tiếp tục thu hút FDI có chọn lọc, ưu tiên các nhà đầu tư chủ động có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cho doanh nghiệp trong nước tiềm năng để mở ra cơ hội cho doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp FDI và có bước chuẩn bị trước để đón nhận chủ động.

Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa thu hút FDI từ các thị trường và đối tác tiềm năng. Khai thác có hiệu quả mối quan hệ với các đối tác chiến lược (đối tác toàn diện, đối tác chiến lược toàn diện), chú trọng các nước phát triển hàng đầu thế giới, các tập đoàn xuyên quốc gia nắm giữ công nghệ tiên tiến và trình độ quản trị hiện đại.

Cần rà soát, tái cấu trúc các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, đổi mới cách thức hỗ trợ theo hướng chọn lọc và tập trung hơn nhằm tăng quy mô của doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh và tạo dựng liên kết sản xuất với khu vực FDI, tập trung vào năng lực công nghệ, đào tạo nhân lực, năng lực thực thi hợp đồng và năng lực quản lý sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp FDI tiên phong. Ngoài ra, Việt Nam cần tận dụng lợi thế trong thị trường ASEAN và cơ hội do các hiệp định thương mại tự do tạo ra để thu hút FDI. Chủ động, theo dõi, đánh giá xu hướng dịch chuyển dòng FDI vào Việt Nam có công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ một số nước trong khu vực để có giải pháp ngăn chặn kịp thời./.

**Tài liệu tham khảo**


1. *Đảng Cộng sản, Văn kiện Đại hội XII;*
2. *Nguyên Đức (2018), Bài học nào trong thu hút FDI của Việt Nam?,*
3. *Nhã Nam (2018), Thu hút FDI: Định hướng mới cho kỷ nguyên mới;*
4. *Hà Nguyễn (2018), Nhìn lại 30 năm thu hút FDI: Thành tựu, bài học và những định hướng mới,*
5. *Đan Thanh (2018), 30 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: "Chúng ta đã thành công",*
6. *Phú Thọ - Quang Phương – Vũ Dung (2018), Nhìn lại 30 năm thu hút đầu tư FDI,*
7. *Văn Thị Thái Thu (2019), Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và một số vấn đề đặt ra,*